TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2018
V/v "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thập.

2. Bà Lê Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1964. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Tống Thị S, sinh năm 1969. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 664 Phan Đình P, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 18/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn T và bà Tống Thị S tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum cấp Chứng nhận kết hôn vào ngày 13/12/1991. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà S nhiều lần nợ nần số tiền lớn ở bên ngoài, dẫn đến mất khả năng chi trả. Bản thân ông T đã cố gắng tìm hiểu nhưng vẫn không rõ mục đích vay mượn của bà. Ông T đã nhiều lần trả nợ giúp bà S. Tuy nhiên, bà S vẫn tiếp tục vay mượn tiền khiến vợ chồng phải bán nhà để trả nợ. Trong đời sống chung, ông

bà cũng không đồng thuận, thường xuyên xảy ra bất hòa. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Ngày 02/5/2018, ông bà đã thống nhất ly hôn và gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, bà S không đến Tòa án để làm việc. Nay ông T cảm thấy không còn tình cảm với bà S nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Đặng Hoàng V, sinh ngày 05/8/1992 và Đặng Hoàng Trúc L, sinh ngày 12/11/1994. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Tống Thị S đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đặng Văn T và bà Tống Thị S tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum vào ngày 13/12/1991 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Văn T và bà Tống Thị S là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét thấy sau khi kết hôn, ông T và bà S chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà S có vay mượn khoản tiền lớn từ bên ngoài dẫn đến mất khả năng chi trả. Ông T không rõ mục đích vay mượn và đã nhiều lần phải trả nợ giúp bà S. Để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ và hợp pháp, ông T đã cung cấp cho Tòa án 01 Giấy xác nhận, đề ngày 27/4/2018, với nội dung: Bà S có nợ bên ngoài số tiền là 1.932.000.000 đồng, ông T sẽ bán ngôi nhà tại địa chỉ số 664 Phan Đình P, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum để trả số tiền trên. Bên cạnh đó, ngày 02/5/2018, ông T và bà S đã gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, đơn đề ngày 18/4/2018. Trong đơn, ông bà thể hiện thuận tình ly hôn, lý do *"không đồng thuận trong cuộc sống hôn nhân"* và *"mâu thuẫn trong công việc làm ăn không giải quyết được"*.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, ông T khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với bà S nên tha thiết xin được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà S đã thực sự trầm trọng, dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng thời gian

qua không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau, mạnh ai nấy sống. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn T với bà Tống Thị S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có và đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với bị đơn bà Tống Thị S đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, bà S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Ông Đặng Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "ly hôn" của ông Đặng Văn T (trước đây là đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Đặng Văn T và bà Tống Thị S), đơn đề ngày 18/4/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn T được ly hôn bà Tống Thị S.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đặng Văn T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001369 ngày 02/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Ông T đã nộp đủ án phí.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05-9-2018), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐỖ VĂN TOÀN